

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2026 THEO PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	ĐƠN VỊ	Dự toán NSNN đảm bảo chi hoạt động thường xuyên năm 2026		Tổng dự toán giao năm 2026 tại QĐ 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND TP			Dự toán điều chỉnh năm 2026	
		Tổng	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện CCTL quản lý tập trung tại ngân sách</i>	Tổng	Dự toán giao nguồn tự chủ (đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện CCTL quản lý tập trung tại ngân sách</i>	Tổng	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện CCTL quản lý tập trung tại ngân sách</i>
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6=1-3	7=2-5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.304.414.561.000</b>	<b>25.100.560.100</b>	<b>1.384.684.217.000</b>	<b>1.359.668.217.000</b>	<b>25.016.000.000</b>	<b>-</b>	<b>84.144.100</b>
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	48.978.978.000	945.700.000	52.645.078.000	51.699.078.000	946.000.000	-3.666.100.000	-300.000
2	Trường THPT Trần Phú	28.893.004.000	524.100.000	30.926.904.000	30.402.904.000	524.000.000	-2.033.900.000	100.000
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	22.984.547.000	406.300.000	24.560.047.000	24.154.047.000	406.000.000	-1.575.500.000	300.000
4	Trường THPT Hòa Vang	18.462.394.000	308.100.000	19.657.794.000	19.349.794.000	308.000.000	-1.195.400.000	100.000
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	22.068.134.000	489.000.000	23.788.334.000	23.299.334.000	489.000.000	-1.720.200.000	0
6	Trường THPT Thái Phiên	30.843.742.000	556.800.000	33.003.742.000	32.446.742.000	557.000.000	-2.160.000.000	-200.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	21.006.940.000	354.000.000	22.380.040.000	22.026.040.000	354.000.000	-1.373.100.000	0
8	Trường THPT Ngô Quyền	19.087.552.000	337.600.000	20.393.552.000	20.055.552.000	338.000.000	-1.306.000.000	-400.000
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	16.327.130.000	284.700.000	17.432.030.000	17.147.030.000	285.000.000	-1.104.900.000	-300.000
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	17.895.502.000	292.100.000	19.028.502.000	18.736.502.000	292.000.000	-1.133.000.000	100.000
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	16.778.911.000	347.100.000	18.125.211.000	17.778.211.000	347.000.000	-1.346.300.000	100.000
12	Trường THPT Phan Thành Tài	18.454.395.000	321.300.000	19.700.595.000	19.379.595.000	321.000.000	-1.246.200.000	300.000
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	17.782.043.000	322.600.000	19.029.243.000	18.706.243.000	323.000.000	-1.247.200.000	-400.000
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	16.970.788.000	296.800.000	18.122.288.000	17.825.288.000	297.000.000	-1.151.500.000	-200.000
15	Trường THPT Thanh Khê	17.721.729.000	345.200.000	19.053.429.000	18.708.429.000	345.000.000	-1.331.700.000	200.000
16	Trường THPT Cẩm Lệ	16.292.232.000	306.100.000	17.477.132.000	17.171.132.000	306.000.000	-1.184.900.000	100.000
17	Trường THPT Liên Chiểu	13.065.426.000	300.600.000	14.228.926.000	13.927.926.000	301.000.000	-1.163.500.000	-400.000
18	Trường THPT Võ Chí Công	10.841.541.000	236.400.000	11.755.041.000	11.519.041.000	236.000.000	-913.500.000	400.000
19	Trường THPT Sơn Trà	13.634.499.000	298.800.000	14.792.499.000	14.493.499.000	299.000.000	-1.158.000.000	-200.000
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	13.480.873.000	289.500.000	14.601.473.000	14.311.473.000	290.000.000	-1.120.600.000	-500.000
21	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	24.820.213.000	513.304.000	26.358.313.000	25.845.313.000	513.000.000	-1.538.100.000	304.000
22	Trường THPT Duy Tân	17.469.971.000	275.268.000	18.536.571.000	18.261.571.000	275.000.000	-1.066.600.000	268.000
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	19.181.650.000	291.276.000	20.310.150.000	20.019.150.000	291.000.000	-1.128.500.000	276.000
24	Trường THPT Phan Bội Châu	21.424.678.000	289.768.000	22.548.678.000	22.258.678.000	290.000.000	-1.124.000.000	-232.000
25	Trường THPT Trần Cao Vân	23.196.080.000	356.932.000	24.580.380.000	24.223.380.000	357.000.000	-1.384.300.000	-68.000
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	15.341.656.000	282.344.000	16.438.756.000	16.156.756.000	282.000.000	-1.097.100.000	344.000
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	12.367.880.000	246.036.000	13.318.380.000	13.072.380.000	246.000.000	-950.500.000	36.000
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	15.935.712.000	305.544.000	17.120.912.000	16.814.912.000	306.000.000	-1.185.200.000	-456.000
29	Trường THPT Hoàng Diệu	15.953.144.000	318.652.000	17.187.744.000	16.868.744.000	319.000.000	-1.234.600.000	-348.000
30	Trường THPT Lương Thê Vinh	21.524.771.000	435.232.000	23.211.971.000	22.776.971.000	435.000.000	-1.687.200.000	232.000

31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	20.902.410.000	402.752.000	22.464.810.000	22.061.810.000	403.000.000	-1.562.400.000	-248.000
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	15.828.475.000	318.188.000	17.063.975.000	16.745.975.000	318.000.000	-1.235.500.000	188.000
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	9.590.243.000	191.864.000	10.333.343.000	10.141.343.000	192.000.000	-743.100.000	-136.000
34	Trường THPT Hồ Nghinh	12.104.708.000	269.004.000	13.153.008.000	12.884.008.000	269.000.000	-1.048.300.000	4.000
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	13.046.546.000	217.268.000	13.889.246.000	13.672.246.000	217.000.000	-842.700.000	268.000
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	13.793.828.000	248.820.000	14.671.328.000	14.422.328.000	249.000.000	-877.500.000	-180.000
37	Trường THPT Sào Nam	16.081.701.000	243.716.000	17.027.201.000	16.783.201.000	244.000.000	-945.500.000	-284.000
38	Trường THPT Chu Văn An	16.082.440.000	310.961.200	17.179.640.000	16.868.640.000	311.000.000	-1.097.200.000	-38.800
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyên	15.688.968.000	311.344.000	16.900.968.000	16.589.968.000	311.000.000	-1.212.000.000	344.000
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	15.785.216.000	287.448.000	16.902.916.000	16.615.916.000	287.000.000	-1.117.700.000	448.000
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	14.434.215.000	258.912.000	15.434.615.000	15.175.615.000	259.000.000	-1.000.400.000	-88.000
42	Trường THPT Hùng Vương	17.033.968.000	283.040.000	18.131.068.000	17.848.068.000	283.000.000	-1.097.100.000	40.000
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	9.730.898.000	167.620.000	10.379.298.000	10.211.298.000	168.000.000	-648.400.000	-380.000
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	19.475.502.000	337.908.000	20.790.302.000	20.452.302.000	338.000.000	-1.314.800.000	-92.000
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	15.943.646.000	241.280.000	16.879.246.000	16.638.246.000	241.000.000	-935.600.000	280.000
46	Trường THPT Tiêu La	18.234.093.000	273.644.000	19.296.493.000	19.022.493.000	274.000.000	-1.062.400.000	-356.000
47	Trường THPT Quê Sơn	13.197.605.000	202.072.000	13.980.705.000	13.778.705.000	202.000.000	-783.100.000	72.000
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	15.461.460.000	248.472.000	16.425.460.000	16.177.460.000	248.000.000	-964.000.000	472.000
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	9.719.485.000	147.204.000	10.288.385.000	10.141.385.000	147.000.000	-568.900.000	204.000
50	Trường THPT Nguyễn Dục	12.268.924.000	172.956.000	12.939.224.000	12.766.224.000	173.000.000	-670.300.000	-44.000
51	Trường THPT Trần Văn Dư	11.906.970.000	168.896.000	12.561.170.000	12.392.170.000	169.000.000	-654.200.000	-104.000
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	12.620.256.000	163.444.000	13.252.356.000	13.089.356.000	163.000.000	-632.100.000	444.000
53	Trường THPT Núi Thành	22.834.853.000	394.168.000	24.365.953.000	23.971.953.000	394.000.000	-1.531.100.000	168.000
54	Trường THPT Cao Bá Quát	17.517.165.000	304.964.000	18.696.765.000	18.391.765.000	305.000.000	-1.179.600.000	-36.000
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	18.685.029.000	338.720.000	19.994.729.000	19.655.729.000	339.000.000	-1.309.700.000	-280.000
56	Trường THPT Nông Sơn	10.610.544.000	208.626.000	11.346.544.000	11.137.544.000	209.000.000	-736.000.000	-374.000
57	Trường THPT Hiệp Đức	12.225.366.000	231.721.600	13.039.666.000	12.807.666.000	232.000.000	-814.300.000	-278.400
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	9.729.289.000	199.821.600	10.431.289.000	10.231.289.000	200.000.000	-702.000.000	-178.400
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	15.382.078.000	287.227.600	16.389.978.000	16.102.978.000	287.000.000	-1.007.900.000	227.600
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	13.228.310.000	258.134.800	14.137.510.000	13.879.510.000	258.000.000	-909.200.000	134.800
61	Trường THPT Âu Cơ	6.765.379.000	157.435.200	7.232.579.000	7.075.579.000	157.000.000	-467.200.000	435.200
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	9.280.018.000	166.634.000	9.772.718.000	9.605.718.000	167.000.000	-492.700.000	-366.000
63	Trường THPT Tây Giang	8.301.208.000	253.460.000	8.727.208.000	8.474.208.000	253.000.000	-426.000.000	460.000
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	6.160.734.000	137.402.000	6.391.533.000	6.254.533.000	137.000.000	-230.799.000	402.000
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	12.768.226.000	299.349.600	13.264.726.000	12.965.726.000	299.000.000	-496.500.000	349.600
66	Trường THPT Tô Hữu	10.103.088.000	190.286.400	10.715.388.000	10.525.388.000	190.000.000	-612.300.000	286.400
67	Trường THPT Khâm Đức	10.934.777.000	302.806.400	11.836.377.000	11.533.377.000	303.000.000	-901.600.000	-193.600
68	Trường THPT Bắc Trà My	17.792.785.000	465.624.000	19.295.285.000	18.829.285.000	466.000.000	-1.502.500.000	-376.000
69	Trường THPT Nam Trà My	10.016.637.000	428.736.000	11.114.637.000	10.685.637.000	429.000.000	-1.098.000.000	-264.000
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	35.605.920.000	616.655.000	36.411.020.000	35.794.020.000	617.000.000	-805.100.000	-345.000

71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	26.366.555.000	650.416.000	27.216.055.000	26.566.055.000	650.000.000	-849.500.000	
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	25.269.256.000	649.038.000	26.116.855.000	25.467.855.000	649.000.000	-847.599.000	38.000
73	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	13.820.947.000	305.892.000	14.290.447.000	13.984.447.000	306.000.000	-469.500.000	-108.000
74	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	9.989.428.000	286.436.800	10.327.528.000	10.041.528.000	286.000.000	-338.100.000	436.800
75	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	10.718.466.000	288.663.600	11.087.566.000	10.798.566.000	289.000.000	-369.100.000	-336.400
76	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	8.476.692.000	294.465.000	8.777.792.000	8.483.792.000	294.000.000	-301.100.000	465.000
77	Trường Chuyên biệt Trương Lai	13.596.683.000	259.222.500	13.872.683.000	13.613.683.000	259.000.000	-276.000.000	222.500
78	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	13.998.215.000	286.620.000	14.303.215.000	14.016.215.000	287.000.000	-305.000.000	-380.000
79	Trung tâm GDTX Số 1	7.089.081.000	103.512.500	7.716.381.000	7.612.381.000	104.000.000	-627.300.000	-487.500
80	Trung tâm GDTX Số 2	8.677.000.000	179.393.800	9.971.158.000	9.792.158.000	179.000.000	-1.294.158.000	393.800
81	Trung tâm GDTX Số 3	6.873.160.000	126.158.500	7.582.160.000	7.455.160.000	127.000.000	-709.000.000	-841.500
82	Trung tâm GDTX Số 4	3.880.000.000	85.000.000	0	-			85.000.000
83	Văn phòng Sở GDĐT						84.149.656.000	